



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*  
*đã được kiểm toán*



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880  
CN Hà Nội: P12.8 Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84-4) 3244.40.44 / Fax: (84-4) 3244.40.45

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4 – 6</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>7 – 33</b>
Bảng cân đối kế toán	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 33



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 565 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây dựng 565 là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 3262/QĐ-BQP ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 25.03.000136 cấp lần đầu ngày 06 tháng 02 năm 2007 và 05 lần thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **29.593.140.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật (công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, đường dây và trạm điện, nước sinh hoạt, công trình ngầm dưới đất - dưới nước, đường ngầm, công trình hạ tầng kỹ thuật);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mai Ngọc Kiên	Chủ tịch	
Ông Trần Vũ Tuyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/8/2015
Ông Bùi Hoàng Kim	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/8/2015
Ông Bùi Thanh Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/8/2015
Ông Trần Quang Vịnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/8/2015
Ông Trịnh Văn Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 31/8/2015
Ông Trịnh Văn Tấn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 31/8/2015
Ông Trần Ngọc Tuấn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 31/8/2015
Ông Đinh Ngọc Kiên	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 31/8/2015



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

### BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Vũ Tuyên	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Trịnh Văn Hải	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Trịnh Văn Hải	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Mai Ngọc Kiên	Phó Giám đốc	
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Giám đốc	
Ông Đặng Văn Doan	Phó Giám đốc	
Ông Trần Quang Vịnh	Kế toán trưởng	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hòa Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2016

Ban Giám đốc

Giám đốc



Trần Vũ Tuyên



Số: 11./2016/BCKT-TC2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng 565, được lập ngày 15 tháng 7 năm 2016, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán trái ngược của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược**

- Công ty không thực hiện kiểm kê, do đó chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, tài sản cố định, nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho tại thời điểm cuối năm. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của tiền mặt tồn quỹ, tài sản cố định, nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 với tiền mặt tồn quỹ là 623.046.795 đồng; nguyên giá của tài sản cố định là 96.593.123.992 đồng (giá trị còn lại tương ứng là 6.089.209.553 đồng); giá trị nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tồn kho là 4.376.538.008 đồng. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với tiền mặt tồn quỹ; tài sản cố định; nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tồn kho đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố có liên quan của Bảng cân đối toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Các khoản công nợ phải thu và phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ với các đối tượng có liên quan. Cụ thể tỷ lệ xác nhận:

Khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2015	Số chưa được đối chiếu, xác nhận	Tỷ lệ chưa được đối chiếu
Phải thu khách hàng ngắn hạn	58.507.654.883	58.507.654.883	100%
Trả trước cho người bán	5.738.474.859	5.738.474.859	100%
Phải thu khác	18.693.650.182	18.693.650.182	100%
Phải trả người bán ngắn hạn	60.437.756.490	60.437.756.490	100%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	26.904.692.956	26.904.692.956	100%
Phải trả ngắn hạn khác	26.407.426.077	26.407.426.077	100%



## Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Việc mở rộng thủ tục kiểm toán một cách đầy đủ nhằm đảm bảo cho tính đúng đắn của khoản nợ phải thu và phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là không thể thực hiện được. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản công nợ nêu trên và ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” đang lớn hơn sản lượng dở dang có thể được nghiệm thu thanh toán với số tiền là 87.315.072.947 đồng. Nếu thực hiện ghi nhận chi phí nêu trên vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 sẽ làm cho “Giá vốn hàng bán” và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tăng lên và giảm đi cùng số tiền là 87.315.072.947 đồng. “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và “Hàng tồn kho” trên bảng cân đối kế toán cùng giảm đi với số tiền là 87.315.072.947 đồng.
- Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2015 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với số tiền là 11.098.094.612 đồng. Nếu chi phí nêu trên được ghi nhận đầy đủ trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ làm cho các chỉ tiêu “Chi phí tài chính” và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tăng lên và giảm đi cùng số tiền là 11.098.094.612 đồng. Các chỉ tiêu “Chi phí trả trước ngắn hạn” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cùng giảm đi số tiền là 11.098.094.612 đồng.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa thực hiện đánh giá và phân loại tuổi nợ để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán. Nếu thực hiện phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho “Chi phí quản lý doanh nghiệp” và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tăng lên và giảm đi cùng số tiền là 31.883.535.838 đồng, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán giảm đi số tiền 31.883.535.838 đồng.
- Trong năm 2015, Công ty đang phân bổ thiếu “Chi phí trả trước ngắn hạn” và “Chi phí trả trước dài hạn” với số tiền lần lượt là 2.321.166.055 đồng và 170.110.768 đồng. Nếu thực hiện phân bổ các chi phí nêu trên sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm: “Giá vốn hàng bán” và “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng lên lần lượt là 2.321.166.055 đồng và 170.110.768 đồng và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm đi là 2.491.276.823 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán gồm: “Chi phí trả trước ngắn hạn”, “Chi phí trả trước dài hạn” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm đi lần lượt là 2.321.166.055 đồng, 170.110.768 đồng và 2.491.276.823 đồng.
- Một số công trình đã ghi nhận doanh thu những năm tài chính trước. Tuy nhiên, trong năm chủ đầu tư duyệt thẩm tra quyết toán công trình có điều chỉnh giảm giá trị khối lượng xây dựng là 5.888.393.418 đồng, Công ty chưa thực hiện ghi nhận giảm “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu thực hiện ghi nhận giảm doanh thu sẽ làm cho các chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cùng giảm đi số tiền là 5.888.393.418 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán gồm: “Phải thu ngắn hạn khác” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” cùng giảm đi số tiền là 5.888.393.418 đồng.
- Nếu các vấn đề nêu trên được điều chỉnh phù hợp thì lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 giảm (138.677.273.638) đồng. Theo đó, “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” (mã số 60) năm 2015 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là (146.012.419.377) đồng; “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) đến 31/12/2015 trên Bảng cân đối kế toán là (210.444.268.851) đồng và “Vốn chủ sở hữu” (mã số 410) đến 31/12/2015 là (176.461.857.913) đồng.

### Ý kiến kiểm toán trái ngược

Theo ý kiến của chúng tôi, do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược”, báo cáo tài chính đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng 565 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, không phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)**

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày thuyết minh số VIII.09, trong năm tài chính 2015, Công ty tiếp tục bị lỗ là 146.012.419.377 đồng, khoản lỗ này đã tính ảnh hưởng của cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược nêu trên và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 210.444.268.851 đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 176.461.857.913 đồng. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 44.150.223.826 đồng. Tình hình này cho thấy sự tồn tại không chắc chắn một cách trọng yếu về khả năng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin chắc rằng với cố gắng thương lượng để được miễn giảm lãi vay ngân hàng, kéo dài thời gian trả nợ vay và nợ phải trả khác, đồng thời, thoả thuận với Tổng Công ty Trường Sơn để ký kết các hợp đồng của dự án mới, việc sử dụng giả định tiếp tục hoạt động liên tục hoạt động trong việc lập Báo cáo tài chính riêng của Công ty là phù hợp.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



**Bùi Thị Ngọc Lân**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

**Kiểm toán viên**



**Trần Thị Mai**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tài ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGÂN HÀN	100		231.699.284.488	242.699.805.384
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.382.163.908	876.975.166
1.	Tiền	111		1.382.163.908	876.975.166
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chương khoản kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	75.439.123.474	91.430.518.528
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		58.507.654.883	72.887.539.677
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.738.474.859	13.561.199.167
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	18.693.650.182	12.482.436.134
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136		-	-
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(7.500.656.450)	(7.500.656.450)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	141.452.023.394	148.237.654.474
1.	Hàng tồn kho	141		141.452.023.394	148.237.654.474
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	V.07	13.425.973.712	2.154.657.216
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.419.260.667	2.147.944.171
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	6.713.045	6.713.045
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.365.639.551	9.933.795.940
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220	V.06	6.089.209.553	8.923.253.442
	Tài sản cố định hữu hình	221		6.089.209.553	8.923.253.442
	- Nguyên giá	222		96.593.123.992	96.593.123.992
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(90.503.914.439)	(87.669.870.550)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	-	734.112.500
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	734.112.500
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	V.07	276.429.998	276.429.998
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		276.429.998	276.429.998
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>238.064.924.039</b>	<b>252.633.601.324</b>

Đơn vị tính: VND



Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>275.849.508.314</b>	<b>283.083.039.860</b>
I.	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>275.849.508.314</b>	<b>280.250.152.060</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	60.437.756.490	73.304.748.355
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.904.692.956	30.430.180.990
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	6.306.997.649	7.385.749.673
4.	Phải trả người lao động	314		4.626.428.073	5.135.133.044
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	21.624.683.152	11.254.540.478
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	31.987.914.495	27.517.504.781
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.08	122.773.066.493	124.008.065.733
12.	Quý khen thưởng, phúc lợi	322		1.187.969.006	1.214.229.006
II.	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>2.832.887.800</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.08	-	2.832.887.800
	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(37.784.584.275)</b>	<b>(30.449.438.536)</b>
I.	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>(37.784.584.275)</b>	<b>(30.449.438.536)</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.593.140.000	29.593.140.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.593.140.000	29.593.140.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	421		4.389.270.938	4.389.270.938
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(71.766.995.213)	(64.431.849.474)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ kế	421a		(64.431.849.474)	(41.634.438.910)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	421b		(7.335.145.739)	(22.797.410.564)
II.	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>238.064.924.039</b>	<b>252.633.601.324</b>

Người lập biểu

Trình Quang Vinh

Kế toán trưởng

Trình Quang Vinh

Trần Văn Tuyên

Trần Văn Tuyên



Hòa Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2016



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHI TIÊU	Mã số Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	46.786.436.957	72.791.791.133
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	46.786.436.957	72.791.791.133
4.	Giá vốn hàng bán	11	47.436.388.961	72.858.513.776
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(649.952.004)	(66.722.643)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	395.059.968	39.220.271
7.	Chi phí tài chính	VI.04	-	15.079.847.901
8.	Chi phí bán hàng	23	-	15.079.847.901
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	7.080.253.703	7.697.970.291
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(7.335.145.739)	(22.805.320.564)
11.	Thu nhập khác	31	-	7.910.000
12.	Chi phí khác	32	-	-
13.	Lợi nhuận khác	40	-	7.910.000
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(7.335.145.739)	(22.797.410.564)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(7.335.145.739)	(22.797.410.564)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.06	(2.479)	(7.704)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.07	(2.479)	(7.704)

Trình Quang Vinh

Người lập biên



Trình Quang Vinh

Kế toán trưởng



Trần Vũ Tuyền

Hòa Bình, ngày 7 tháng 7 năm 2016






**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		31.476.881.944	44.456.695.603
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(19.204.645.927)	(31.744.213.137)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.588.158.660)	(12.278.938.813)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(727.951.938)	(7.391.966.004)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		-	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.258.973.598	7.090.833.736
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.771.195.703)	2.256.252.384
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.443.903.314</b>	<b>2.388.663.769</b>
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(46.000.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.078.253.228	-
7.	Tiền thu lại cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia	27		50.919.240	39.220.271
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.129.172.468</b>	<b>(6.779.729)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

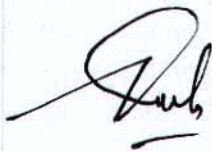
Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

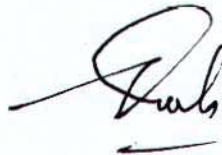
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		2.148.238.701	29.035.208.688
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.216.125.741)	(31.077.893.957)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.067.887.040)</b>	<b>(2.042.685.269)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>505.188.742</b>	<b>339.198.771</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>876.975.166</b>	<b>537.776.395</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>1.382.163.908</b>	<b>876.975.166</b>

Người lập biểu



Trịnh Quang Vịnh

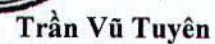
Kế toán trưởng



Trịnh Quang Vịnh

Hòa Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2016

Giám đốc



  
Trần Vũ Tuyên




## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2015**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Xây dựng, sản xuất và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật (công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, đường dây và trạm điện, nước sinh hoạt, công trình ngầm dưới đất - dưới nước, đường ngầm, công trình hạ tầng kỹ thuật);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2014.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

### **02. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

### **03. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

### **04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nhà cửa, vật kiến trúc	14 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 năm

#### 06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh xác định khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm (trong năm chưa thực hiện phân bổ).

#### 07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 08. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là: Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



03. Phải thu của khách hàng

<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	
- Ban quản lý dự án 6 (PMU6)	
- Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La	
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	
- Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Khôt	
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	
<b>Cộng</b>	

b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	
<b>Cộng</b>	

<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
58.507.654.883	58.507.654.883
4.733.167.763	4.733.167.763
4.101.329.068	4.321.091.166
23.681.703.300	30.128.133.845
-	4.850.560.891
25.991.454.752	28.854.586.012
58.507.654.883	72.887.539.677

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu khác

<b>Ngân hàng</b>	
- Tạm ứng	
- Phải thu khác	
+ Các đối, xi nghiệp	
+ Công ty Vimaconex 12	
+ Giá trị khối lượng xây dựng	
+ Giá trị giảm do thanh tra, quyết toán	
+ Các khoản phải thu khác	
<b>Cộng</b>	
<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
18.693.650.182	11.436.844.055
744.356.102	1.045.592.079
5.888.393.418	-
175.000.000	175.000.000
10.477.991.019	10.127.917.688
17.285.740.539	11.348.509.767
1.407.909.643	1.133.926.367
18.693.650.182	11.436.844.055

05. Hàng tồn kho

<b>Nguyên liệu, vật liệu</b>	
- Công cụ, dụng cụ	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	
<b>Cộng</b>	
<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
141.452.023.394	148.237.654.474
137.075.485.386	143.461.583.119
12.486.792	10.486.792
4.364.051.216	4.765.584.563
141.452.023.394	148.237.654.474



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	623.046.795	588.934.597
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	759.117.113	288.040.569
<b>Cộng</b>	<b><u>1.382.163.908</u></b>	<b><u>876.975.166</u></b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	734.112.500	734.112.500	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (!)	-	-	-	734.112.500	734.112.500	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>734.112.500</u></b>	<b><u>734.112.500</u></b>	<b><u>-</u></b>

(!): Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng với giá trị chuyển nhượng là 1.078.253.228 đồng.



Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

Số cuối năm		Số đầu năm	
58.507.654.883	58.507.654.883	72.887.539.677	72.887.539.677
4.733.167.763	4.733.167.763	4.733.167.763	4.733.167.763
4.101.329.068	4.101.329.068	4.321.091.166	4.321.091.166
23.681.703.300	23.681.703.300	30.128.133.845	30.128.133.845
-	-	4.850.560.891	4.850.560.891
25.991.454.752	25.991.454.752	28.854.586.012	28.854.586.012
58.507.654.883	58.507.654.883	72.887.539.677	72.887.539.677

a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

- Ban quản lý dự án 6 (PMU6)
- Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn
- Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Khốt
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
23.681.703.300	23.681.703.300	30.128.133.845	30.128.133.845
23.681.703.300	23.681.703.300	30.128.133.845	30.128.133.845
23.681.703.300	23.681.703.300	30.128.133.845	30.128.133.845

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn

Cộng

04. Phải thu khác

Số cuối năm		Số đầu năm	
18.693.650.182	18.693.650.182	11.436.844.055	11.436.844.055
1.407.909.643	1.407.909.643	1.133.926.367	1.133.926.367
17.285.740.539	17.285.740.539	11.348.509.767	11.348.509.767
10.477.991.019	10.477.991.019	10.127.917.688	10.127.917.688
175.000.000	175.000.000	175.000.000	175.000.000
5.888.393.418	5.888.393.418	-	-
744.356.102	744.356.102	1.045.592.079	1.045.592.079
18.693.650.182	18.693.650.182	12.482.436.134	12.482.436.134

Ngắn hạn

- Tâm ứng

- Phải thu khác

+ Các đội, xí nghiệp

+ Công ty Vinaconex 12

+ Giá trị khởi lượng xây dựng

cải giảm do thẩm tra, quyết

toán

+ Các khoản phải thu khác

Cộng

05. Hàng tồn kho

Số cuối năm		Số đầu năm	
141.452.023.394	141.452.023.394	148.237.654.474	148.237.654.474
4.364.051.216	4.364.051.216	4.765.584.563	4.765.584.563
12.486.792	12.486.792	10.486.792	10.486.792
137.075.485.386	137.075.485.386	143.461.583.119	143.461.583.119
141.452.023.394	141.452.023.394	148.237.654.474	148.237.654.474

- Nguyên liệu, vật liệu

- Công cụ, dụng cụ

- Chi phí sản xuất, kinh doanh

dở dang

Cộng



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG:565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Kh khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2.348.415.494</b>	<b>62.732.593.729</b>	<b>30.443.535.038</b>	<b>1.068.579.731</b>	<b>96.593.123.992</b>
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Phân loại lại khoản mục	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.348.415.494</b>	<b>62.732.593.729</b>	<b>30.443.535.038</b>	<b>1.068.579.731</b>	<b>96.593.123.992</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.307.989.833</b>	<b>56.707.817.107</b>	<b>28.672.871.364</b>	<b>981.192.246</b>	<b>87.669.870.550</b>
- Khấu hao trong năm	59.446.776	1.944.522.146	794.615.256	35.459.711	2.834.043.889
- Phân loại lại khoản mục	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.367.436.609</b>	<b>58.652.339.253</b>	<b>29.467.486.620</b>	<b>1.016.651.957</b>	<b>90.503.914.439</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>1.040.425.661</b>	<b>6.024.776.622</b>	<b>1.770.663.674</b>	<b>87.387.485</b>	<b>8.923.253.442</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>980.978.885</b>	<b>4.080.254.476</b>	<b>976.048.418</b>	<b>51.927.774</b>	<b>6.089.209.553</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 63.779.393.304 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 57.730.218.177 đồng và 3.215.464.297 đồng đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Dầu và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngân hạn</b>	<b>13.419.260.667</b>	<b>2.147.944.171</b>
- Công cụ dùng cụ xuất dùng	2.321.166.055	2.147.944.171
- Chi phí lãi vay năm 2015	11.098.094.612	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>276.429.998</b>	<b>276.429.998</b>
- Giá trị lợi thế kinh doanh	276.429.998	276.429.998
<b>Cộng</b>	<b>13.695.690.665</b>	<b>2.424.374.169</b>

**08. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>124.008.065.733</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.167.126.501</b>	<b>5.402.125.741</b>	<b>122.773.066.493</b>	<b>8.500.000.000</b>
- Vay ngân hàng ngân hàng	123.208.065.733	3.200.000.000	2.148.238.701	4.602.125.741	120.754.178.693	8.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP ĐT và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình (1)	123.208.065.733	3.200.000.000	2.148.238.701	4.602.125.741	120.754.178.693	8.000.000.000
- Vay đối tượng khác	800.000.000	800.000.000	-	800.000.000	-	-
+ Ông Trịnh Tuấn Chính	800.000.000	800.000.000	-	800.000.000	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	2.018.887.800	-	2.018.887.800	500.000.000
+ Ngân hàng TMCP ĐT và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình (1)	-	-	2.018.887.800	-	2.018.887.800	500.000.000
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>2.832.887.800</b>	<b>800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.832.887.800</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Vay dài hạn	2.832.887.800	800.000.000	-	2.832.887.800	-	-
Từ 1 năm đến 5 năm	2.832.887.800	800.000.000	-	2.832.887.800	-	-
- Vay ngân hàng	2.832.887.800	800.000.000	-	2.832.887.800	-	-
+ Ngân hàng TMCP ĐT và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình (1)	2.832.887.800	800.000.000	-	2.832.887.800	-	-
<b>Cộng</b>	<b>126.840.953.533</b>	<b>4.800.000.000</b>	<b>4.167.126.501</b>	<b>8.235.013.541</b>	<b>122.773.066.493</b>	<b>8.500.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(!): Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hòa Bình theo hợp đồng hạn mức số 01/2014/HĐTDHM/645200 để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên vay, Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể và áp dụng thả nổi theo quy định của BIDV Hòa Bình trong từng kỳ nhưng không vượt quá quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước.

(!!): Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hòa Bình để đầu tư mua máy móc, thiết bị tăng năng lực thiết bị xây lắp giai đoạn I - năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản được hình thành từ vốn vay, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng tại ngân hàng BIDV cộng 4%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2010.

Đơn vị tính: VND

**Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
a. Vay ngắn hạn	120.754.178.693	20.640.692.019	124.008.065.733	10.492.687.847
- Vay ngắn hạn ngân hàng	120.754.178.693	20.640.692.019	124.008.065.733	10.492.687.847
+ Ngân hàng TMCP ĐT và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình	120.754.178.693	20.640.692.019	124.008.065.733	10.492.687.847
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.292.430.100	194.529.594	-	-
+ Ngân hàng TMCP ĐT và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình	1.292.430.100	194.529.594	-	-
<b>Cộng</b>	<b>122.046.608.793</b>	<b>20.835.221.613</b>	<b>124.008.065.733</b>	<b>10.492.687.847</b>

**09. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>60.437.756.490</b>	<b>9.314.175.000</b>	<b>73.304.748.355</b>	<b>8.123.422.540</b>
- Công ty Xây dựng thương mại Hải Long	5.220.202.532	1.000.000.000	5.471.757.532	250.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Anh Nghĩa	3.033.615.185	150.000.000	3.073.615.185	40.000.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	52.183.938.773	8.164.175.000	64.759.375.638	7.833.422.540
<b>Cộng</b>	<b>60.437.756.490</b>	<b>9.314.175.000</b>	<b>73.304.748.355</b>	<b>8.123.422.540</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	7.359.225.064	1.851.571.777	2.930.323.801	-	6.280.473.040
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.713.045	-	-	-	6.713.045	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	26.524.609	-	-	-	26.524.609
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.713.045</b>	<b>7.385.749.673</b>	<b>1.854.571.777</b>	<b>2.933.323.801</b>	<b>6.713.045</b>	<b>6.306.997.649</b>



**11. Chi phí phải trả**

**Ngân hàng**  
 - Chi phí lãi vay  
 - Chi phí trích nộp Bộ Quốc phòng

**Cộng**

Số cuối năm 21.624.683.152  
 20.913.437.862  
 711.245.290

Số đầu năm 11.254.540.478  
 10.543.295.188  
 711.245.290

**12. Các khoản phải trả, phải nộp ngân hàng khác**

**a. Ngân hàng**  
 - Tài sản thừa chờ giải quyết  
 - Kinh phí công đoàn  
 - Bảo hiểm xã hội  
 - Bảo hiểm y tế  
 - Bảo hiểm thất nghiệp  
 - Các khoản phải trả, phải nộp khác  
 + Tổng công ty xây dựng Trường Sơn  
 + Cổ tức phải trả  
 + Các đối tượng khác

**Cộng**

Số cuối năm 31.987.914.495  
 192.375.806  
 2.051.797.294  
 2.360.742.810  
 408.812.275  
 451.384.408  
 26.522.801.902  
 17.474.164.825  
 115.375.825  
 8.933.261.252

Số đầu năm 27.517.504.781  
 186.575.806  
 905.190.431  
 4.083.370.233  
 757.559.963  
 401.939.008  
 21.182.869.340  
 16.189.433.632  
 115.375.825  
 4.878.059.883

**b. Các bên liên quan**

**Ngân hàng**  
 - Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn

**Cộng**

Số cuối năm 17.474.164.825  
 17.474.164.825

Số đầu năm 16.189.433.632  
 16.189.433.632

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**  
 Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>29.593.140.000</b>	<b>4.389.270.938</b>	<b>(41.634.438.910)</b>	<b>(7.652.027.972)</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	(22.797.410.564)	(22.797.410.564)
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>29.593.140.000</b>	<b>4.389.270.938</b>	<b>(64.431.849.474)</b>	<b>(30.449.438.536)</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>29.593.140.000</b>	<b>4.389.270.938</b>	<b>(64.431.849.474)</b>	<b>(30.449.438.536)</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(7.335.145.739)	(7.335.145.739)
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>29.593.140.000</b>	<b>4.389.270.938</b>	<b>(71.766.995.213)</b>	<b>(37.784.584.275)</b>







VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công	
Năm nay	781.535.827
Năm trước	1.112.967.752
Năm nay	1.304.782.753
Năm trước	70.723.557.788
Năm nay	46.786.436.957
Năm trước	72.791.791.133

Doanh thu đối với bên liên quan

Công	
Năm nay	21.760.662.065
Năm trước	19.207.063.268
Năm nay	21.760.662.065
Năm trước	19.207.063.268

02. Giá vốn hàng bán

Công	
Năm nay	649.380.905
Năm trước	962.361.788
Năm nay	869.782.539
Năm trước	248.889.631
Năm nay	47.436.388.961
Năm trước	72.858.513.776

- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng

03. Doanh thu hoạt động tài chính

Công	
Năm nay	6.091.662
Năm trước	39.220.271
Năm nay	344.140.728
Năm trước	-
Năm nay	395.059.968
Năm trước	39.220.271

- Lợi tiền gửi, tiền cho vay
- Lợi bán các khoản đầu tư
- Cổ tức, lợi nhuận được chia

04. Chi phí tài chính

Công	
Năm nay	-
Năm trước	15.079.847.901
Năm nay	-
Năm trước	15.079.847.901

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công	
Năm nay	7.080.253.703
Năm trước	3.679.289.042
Năm nay	390.047.422
Năm trước	69.738.270
Năm nay	715.954.332
Năm trước	1.346.722.758
Năm nay	878.501.879
Năm trước	7.080.253.703

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác



Đơn vị tính: VND

**06. Lai cơ bản trên cổ phiếu**

Lai cơ bản trên cổ phiếu	
Năm nay	(7.335.145.739)
Năm trước	(22.797.410.564)
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế	
toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phần bỏ cho cổ	
đồng sở hữu CP phổ thông	
- Lợi nhuận hoặc lỗ phần bỏ cho cổ đông sở hữu cổ	
phiếu phổ thông	
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	
năm	
Năm nay	2.959.314
Năm trước	(7.704)

**07. Lai suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lai suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

Lai suy giảm trên cổ phiếu	
Năm nay	(2.479)
Năm trước	(7.704)
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế	
toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phần bỏ cho cổ	
đồng sở hữu CP phổ thông	
- Lợi nhuận hoặc lỗ phần bỏ cho cổ đông sở hữu cổ	
phiếu phổ thông	
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	
trong năm	
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát	
hành thêm	
Năm nay	(2.479)
Năm trước	(7.704)

**08. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	
Năm nay	25.736.449.467
Năm trước	23.705.976.363
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	
- Chi phí nhân công	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	
- Chi phí khác bằng tiền	
Năm nay	48.130.544.931
Năm trước	67.816.078.669

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty không định kháng nghị không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và phụ cấp	657.675.000	803.817.694
<b>Cộng</b>	<b>657.675.000</b>	<b>803.817.694</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	Công ty mẹ (tỷ lệ vốn góp 52,8%)

Ngoài các giao dịch đã thuyết minh tại mục VI.01, còn một số các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn</b>		
Đi thuê thí nghiệm công trình	-	211.779.000

**03. Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

***Lĩnh vực kinh doanh:***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng: Hoạt động xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật.
- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Lĩnh vực dịch vụ: Dịch vụ cho thuê xe vận chuyển bê tông.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**  
 Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Xây dựng	Sản xuất	Dịch vụ	Đơn vị tính: VND
				Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	44.700.118.377	781.535.827	1.304.782.753	46.786.436.957
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	52.304.310.552	761.052.551	1.056.219.593	54.121.582.696
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(7.604.192.175)</b>	<b>20.483.276</b>	<b>248.563.160</b>	<b>(7.335.145.739)</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.707.667.127	47.340.789	79.035.973	2.834.043.889
<b>Cuối năm nay</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	235.919.509.138	285.914.146	477.336.847	236.682.760.131
Tài sản không phân bổ				1.382.163.908
<b>Tổng tài sản</b>	<b>235.919.509.138</b>	<b>285.914.146</b>	<b>477.336.847</b>	<b>238.064.924.039</b>
Nợ phải trả bộ phận	267.272.831.345	2.767.813.144	4.620.894.819	274.661.539.308
Nợ phải trả không phân bổ				1.187.969.006
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>267.272.831.345</b>	<b>2.767.813.144</b>	<b>4.620.894.819</b>	<b>275.849.508.314</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**  
 Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Xây dựng	Sản xuất	Dịch vụ	Cộng
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	70.723.557.788	1.112.967.752	955.265.593	72.791.791.133
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	93.739.788.438	1.310.029.098	547.294.161	95.597.111.697
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(23.016.230.650)</b>	<b>(197.061.346)</b>	<b>407.971.432</b>	<b>(22.805.320.564)</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	44.693.002	703.328	603.670	46.000.000
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.731.929.722	74.465.784	63.914.342	4.870.309.848
<b>Cuối năm trước</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	244.603.464.504	3.849.294.019	3.303.867.634	251.756.626.158
Tài sản không phân bổ				876.975.166
<b>Tổng tài sản</b>	<b>244.603.464.504</b>	<b>3.849.294.019</b>		<b>252.633.601.324</b>
Nợ phải trả bộ phận	273.860.071.620	4.309.701.573	3.699.037.660	281.868.810.854
Nợ phải trả không phân bổ				1.214.229.006
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>273.860.071.620</b>	<b>4.309.701.573</b>	<b>3.699.037.660</b>	<b>283.083.039.860</b>

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bổ ở khu vực lãnh thổ Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.382.163.908	-	876.975.166	-	1.382.163.908	876.975.166
Phải thu khách hàng và phải thu khác	75.793.395.422	(7.500.656.450)	84.236.049.444	(7.500.656.450)	68.292.738.972	76.735.392.994
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	734.112.500	-	-	734.112.500
<b>Cộng</b>	<b>77.175.559.330</b>	<b>(7.500.656.450)</b>	<b>85.847.137.110</b>	<b>(7.500.656.450)</b>	<b>69.674.902.880</b>	<b>78.346.480.660</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	60.437.756.490	73.304.748.355	60.437.756.490	73.304.748.355
Vay và nợ	122.773.066.493	126.840.953.533	122.773.066.493	126.840.953.533
Chi phí phải trả	21.624.683.152	11.254.540.478	21.624.683.152	11.254.540.478
Các khoản phải trả khác	26.522.801.902	21.182.869.340	26.522.801.902	21.182.869.340
<b>Cộng</b>	<b>231.358.308.037</b>	<b>232.583.111.706</b>	<b>231.358.308.037</b>	<b>232.583.111.706</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Các hợp đồng thực hiện xây dựng, Công ty ký với Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn (Nhà thầu phụ), do việc thanh toán phụ thuộc vào chủ đầu tư thanh toán cho Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn. Nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế khó khăn, có nhiều chủ đầu tư thanh toán chưa đúng cam kết và một số công trình phụ thuộc vào Ngân sách Nhà nước nên thời gian thu hồi nợ chậm so với cam kết.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	60.437.756.490	-	-	60.437.756.490
Vay và nợ	120.754.178.693	2.018.887.800	-	122.773.066.493
Chi phí phải trả	21.624.683.152	-	-	21.624.683.152
Các khoản phải trả khác	26.522.801.902	-	-	26.522.801.902
<b>Cộng</b>	<b>229.339.420.237</b>	<b>2.018.887.800</b>	-	<b>231.358.308.037</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	73.304.748.355	-	-	73.304.748.355
Vay và nợ	124.008.065.733	2.832.887.800	-	126.840.953.533
Chi phí phải trả	11.254.540.478	-	-	11.254.540.478
Các khoản phải trả khác	21.182.869.340	-	-	21.182.869.340
<b>Cộng</b>	<b>229.750.223.906</b>	<b>2.832.887.800</b>	-	<b>232.583.111.706</b>

### 07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/01/2014 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC năm 2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	1.133.926.367	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính 2015, Công ty tiếp tục bị lỗ là 7.335.145.739 đồng và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 71.766.995.213 đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 37.784.584.275 đồng. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 44.150.223.826 đồng. Tình hình này cho thấy sự tồn tại không chắc chắn một cách trọng yếu về khả năng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin chắc rằng với cố gắng thương lượng để được miễn giảm lãi vay ngân hàng, kéo dài thời gian trả nợ vay và nợ phải trả khác, đồng thời, thoả thuận với Tổng Công ty Trường Sơn để ký kết các hợp đồng của dự án mới, việc sử dụng giả định tiếp tục hoạt động liên tục hoạt động trong việc lập Báo cáo tài chính riêng của Công ty là phù hợp.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hòa Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2016

*Trịnh Quang Vịnh* **CHỨNG THỰC** *Trần Vũ Tuyên*  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 07-11-2016

Trịnh Quang Vịnh

Trần Vũ Tuyên

Số chứng thực 3603... Quyền số 01. SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH  
*Nguyễn Thị Mỹ Bình*



Trần Vũ Tuyên





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN)  
Đ/c: 29 Hoàng Sa, Q.1, TP. Hồ Chí Minh  
Đ/t: 39103908 - 39104881

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 29/2015/AASCN/GUQ

TP. HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2015

**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày..... Tháng..... Năm 20.....

## GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011 ;

Tôi tên: Nguyễn Minh Tiến

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Nay ủy quyền cho:

Bà Bùi Thị Ngọc Lân

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Được quyền:

Trực tiếp giao dịch, ký kết với khách hàng các Hợp đồng kinh tế, thanh lý hợp đồng kinh tế và ký các báo cáo kết quả dịch vụ tư vấn, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, xác định giá trị doanh nghiệp và các hoạt động thuộc lĩnh vực được quy định theo Pháp luật.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 cho tới khi có văn bản khác thay thế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP Công ty

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
DỊCH VỤ TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN  
VÀ KIỂM TOÁN  
NAM VIỆT  
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH  
NGUYỄN MINH TIẾN



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Chi Lan*



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN).  
Đ/c: 29 Hoàng Sa, Q.1, TP. Hồ Chí Minh  
Đ/t: 39103908 - 39104881

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 29/2015/AASCN/GUQ

TP. HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2015,

**SÁO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày..... Tháng..... Năm 20.....

## GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011 ;



**GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Chí Loan*

Tôi tên: Nguyễn Minh Tiên

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Nay ủy quyền cho:

Bà Bùi Thị Ngọc Lân

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Được quyền:

Trực tiếp giao dịch, ký kết với khách hàng các Hợp đồng kinh tế, thanh lý hợp đồng kinh tế và ký các báo cáo kết quả dịch vụ tư vấn, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, xác định giá trị doanh nghiệp và các hoạt động thuộc lĩnh vực được quy định theo Pháp luật.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 cho tới khi có văn bản khác thay thế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VP Công ty





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN)  
Đ/c: 29 Hoàng Sa, Q.1, TP. Hồ Chí Minh  
Đ/t: 39103908 - 39104881

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 29/2015/AASCN/GUQ

TP. HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2015

SAO Y BẢN CHÍNH  
Ngày..... Tháng..... Năm 20.....

## GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011 ;

Tôi tên: Nguyễn Minh Tiên

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Nay ủy quyền cho:

Bà Bùi Thị Ngọc Lân

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Được quyền:

Trực tiếp giao dịch, ký kết với khách hàng các Hợp đồng kinh tế, thanh lý hợp đồng kinh tế và ký các báo cáo kết quả dịch vụ tư vấn, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, xác định giá trị doanh nghiệp và các hoạt động thuộc lĩnh vực được quy định theo Pháp luật.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 cho tới khi có văn bản khác thay thế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP Công ty

CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
DỊCH VỤ TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN  
VÀ KIỂM TOÁN  
NAM VIỆT  
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH  
NGUYỄN MINH TIÊN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan



Số: 29/2015/AASCN/GUQ

TP. HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2015



## GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011 ;



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Thị Loan*

Tôi tên: Nguyễn Minh Tiến

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Nay ủy quyền cho:

Bà Bùi Thị Ngọc Lân

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Được quyền:

Trực tiếp giao dịch, ký kết với khách hàng các Hợp đồng kinh tế, thanh lý hợp đồng kinh tế và ký các báo cáo kết quả dịch vụ tư vấn, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, xác định giá trị doanh nghiệp và các hoạt động thuộc lĩnh vực được quy định theo Pháp luật.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 cho tới khi có văn bản khác thay thế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP Công ty



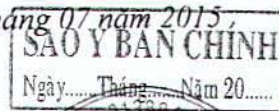


CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN)  
Đ/c: 29 Hoàng Sa, Q.1, TP. Hồ Chí Minh  
Đ/t: 39103908 - 39104881

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 29/2015/AASCN/GUQ

TP. HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2015



## GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011 ;



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Chí Lưu*

Tôi tên: Nguyễn Minh Tiên

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Nay ủy quyền cho:

Bà Bùi Thị Ngọc Lân

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Được quyền:

Trực tiếp giao dịch, ký kết với khách hàng các Hợp đồng kinh tế, thanh lý hợp đồng kinh tế và ký các báo cáo kết quả dịch vụ tư vấn, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, xác định giá trị doanh nghiệp và các hoạt động thuộc lĩnh vực được quy định theo Pháp luật.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 cho tới khi có văn bản khác thay thế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP Công ty





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT (AASCN)  
Đ/c: 29 Hoàng Sa, Q.1, TP. Hồ Chí Minh  
Đ/t: 39103908 - 39104881

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 29/2015/AASCN/GUQ

TP. HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2015

**SÁO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày.....Tháng.....Năm 20.....

## GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011 ;



**GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Thị Lan*

Tôi tên: Nguyễn Minh Tiến

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Nay ủy quyền cho:

Bà Bùi Thị Ngọc Lan

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Được quyền:

Trực tiếp giao dịch, ký kết với khách hàng các Hợp đồng kinh tế, thanh lý hợp đồng kinh tế và ký các báo cáo kết quả dịch vụ tư vấn, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, xác định giá trị doanh nghiệp và các hoạt động thuộc lĩnh vực được quy định theo Pháp luật.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 cho tới khi có văn bản khác thay thế.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP Công ty

